

HUMIC ORGANICS

- **MSPB:** 24888
- **Dạng phân bón:** Dạng bột
- **Màu sắc phân bón:** Đen nâu
- **Nguồn gốc:** Sản xuất trong nước

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Chất hữu cơ	%	40	TCVN 9294:2012
Axit humic (axit humic)	%	3,2	TCVN 8561:2020
C/N		12	
Độ ẩm	%	30	TCVN 9297:2012
pH _{H₂O}		5	Ref. TCVN 5979:2007

CÔNG DỤNG

- Cung cấp dinh dưỡng hữu cơ và Axit humic cho đất và cây trồng, giúp hệ vi sinh vật có ích trong đất phát triển mạnh.
- Cải tạo cấu trúc đất, tăng độ tơi xốp, giữ ẩm, giữ chất dinh dưỡng và tăng độ phì nhiêu cho đất.
- Ổn định pH trong đất.
- Giúp cây khỏe, kháng sâu bệnh, chống stress cho cây, giúp cây chống chịu với điều kiện môi trường bất lợi như hạn hán, đất nhiễm phèn, mặn.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Loại cây trồng	Liều lượng	Thời kỳ bón
Cây ăn trái Cây công nghiệp (dài ngày)	1 - 2 kg/góc/lần bón	Thời kỳ cây con. Bón định kỳ 2 - 3 tháng/lần.
Cây công nghiệp (ngắn ngày) cây dược liệu, cây lấy hạt, cây lấy củ	3 - 5 kg/góc/lần bón	Thời kỳ kinh doanh Bón định kỳ 2 - 3 tháng/lần.
Rau màu	100 - 200 kg/ 1.000 m ² /lần bón	Bón lót và bón thúc.
Lúa	25 - 50 kg/ 1.000 m ² /lần bón	Bón lót và bón thúc.
Cây cảnh	300 - 500 g/ chậu/lần bón	Bón định kỳ 3 - 4 tuần/lần.
Cây tiểu cảnh	50 - 100 g/ chậu/lần bón	Bón định kỳ 3 - 4 tuần/lần.

PHƯƠNG PHÁP BÓN

- Bón rải.
- Tưới nước tối thiểu 1 lần/ngày.
- Cần xới đất trước khi bón để tăng hiệu quả sử dụng.

YẾU TỐ HẠN CHẾ TRONG PHÂN BÓN ĐĂNG KÝ

Tên yếu tố	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Thủy ngân (Hg)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 2	Ref. AOAC 971.21
Chì (Pb)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 200	TCVN 9290:2018
Asen (As)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 10	Ref. TCVN 8467:2010
Cadimi (Cd)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 5	TCVN 9291:2018
<i>E.coli</i>	MPN/g hoặc MPN/ml hoặc CFU/g hoặc CFU/ml	< 1,1x10 ³	Ref. TCVN 6846:2007
<i>Salmonella</i>	CFU/g hoặc CFU/ml	KPH	Ref. TCVN 10780-1:2017
Yếu tố khác			